

Số: 70/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 20 tháng 01 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Thông qua danh mục bổ sung dự án nhà nước thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện năm 2022; Điều chỉnh, bổ sung diện tích; điều chỉnh thời gian thực hiện thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất các công trình dự án đã được HĐND tỉnh thông qua

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Luật quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 08/TTr-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 170/BC-KTNS ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục bổ sung dự án nhà nước thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện năm 2022; điều chỉnh, bổ sung diện tích; điều chỉnh thời gian thực hiện thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất các công trình dự án đã được HĐND tỉnh thông qua, như sau:

1. Thông qua danh mục bổ sung 02 dự án Nhà nước thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện năm 2022. Trong đó: Diện tích thu hồi là 595.900 m²; Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất 284.500 m² (94.500 m² đất trồng lúa nước một vụ; 190.000 m² đất rừng phòng hộ chưa có rừng) (Biểu số 01 kèm theo).

2. Điều chỉnh diện tích thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với 02 dự án đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 273/NQ-HĐND ngày

29/4/2021. Trong đó: Diện tích thu hồi đất tăng 63.102 m², diện tích chuyển mục đích sử dụng đất tăng 40.000 m² (Biểu số 02 kèm theo).

3. Điều chỉnh thời gian tiếp tục thực hiện thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất đối với 06 dự án đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 109/NQ-HĐND và Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 (Biểu số 03 kèm theo).

4. Điều chỉnh, bổ sung diện tích và điều chỉnh thời gian tiếp tục thực hiện thu hồi đất để thực hiện 03 dự án đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 109/NQ-HĐND, số 110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018, Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 08/12/2017. Trong đó: 02 dự án điều chỉnh tăng diện tích là 12.700 m²; 01 dự án điều chỉnh giảm diện tích (Diện tích thu hồi giảm 219.031 m², diện tích chuyển mục đích giảm 15.884 m²) (Biểu số 04 kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp chuyên đề lần thứ năm thông qua ngày 20 tháng 01 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VP Chủ tịch nước, VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường; Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND; UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Công báo tỉnh; Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thái Hưng



DANH MỤC DỰ ÁN NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT, CHO PHÉP CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 20/01/2022 của HĐND tỉnh)

TT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích thu hồi, chuyển mục đích đất (m ²)							Theo khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai	Nguồn vốn thực hiện			
			Diện tích thu hồi đất (m ²)	Diện tích CMD theo Đ58 (m ²)	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ		Đất rừng đặc dụng			Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)	Số ký hiệu văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Số tiền (Triệu đồng)
					Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất có rừng	Đất chưa có rừng					
	Tổng		595.900	284.500	94.500	0	190.000	0	0	159.500				
1	Dự án Khu khách sạn và dân cư dịch vụ, khu biệt thự núi và Resort nghỉ dưỡng thuộc Khu du lịch Quốc gia Mộc Châu	Xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu	162.000	2.500	2.500					159.500	điểm d	Số 780/QĐ-UBND ngày 23/4/2021 của UBND tỉnh	Vốn của Nhà đầu tư	750.000
2	Dự án Khu khách sạn và dân cư dịch vụ, khu biệt thự núi và Resort nghỉ dưỡng thuộc Khu du lịch Quốc gia Mộc Châu	Xã Chiềng Khoa, huyện Vân Hồ	433.900	282.000	92.000		190.000				điểm d			



DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH DIỆN TÍCH THU HỒI, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐÃ ĐƯỢC HĐND TỈNH THÔNG QUA CHƯA QUÁ 03 NĂM

(Kèm theo Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 20/01/2022 của HĐND tỉnh)

TT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	HĐND tỉnh thông qua			Điều chỉnh diện tích thu hồi, chuyển mục đích đất (m ²)						Diện tích chênh lệch (m ²)		Nguồn vốn thực hiện		
			Nghị quyết HĐND tỉnh đã thông qua	Diện tích thu hồi đất (m ²)	Diện tích CMD theo Đ58 (m ²)	Diện tích thu hồi đất (m ²)	Diện tích CMD theo Đ58 (m ²)	Đất (m ²)		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)	Loại đất sau chuyển mục đích	Thu hồi	CMD	Số ký hiệu văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Số tiền (Triệu đồng)
								Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ (chưa có rừng)							
1	2	3	4	5	6	7=8+13	8=9+...+12	9	12	13	14	15	16	17	18	19
Huyện Quỳnh Nai																
1	Trường Trung học phổ thông Mường Giôn	Xã Mường Giôn	273/NQ-HĐND ngày 29/4/2021	9.890	8.262	11.866	8.262	8.262		3.604	DGD	1.976	0	261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 tỉnh	NS Trung ương	61.213
Thành phố Sơn La																
2	Dự án Đầu tư xây dựng công trình Tuyến đường từ Quảng trường -Trung tâm xã Hua La	Phường Chiềng Cơi	273/NQ-HĐND ngày 29/4/2021	80.000	48.000	141.126	88.000	88.000		53.126	DGT	61.126	40.000	2144/QĐ-UBND ngày 06/9/2021	NS Trung ương + tỉnh	200.000



DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH THỜI GIẠN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THU HỒI, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐÃ ĐƯỢC HĐND TỈNH THÔNG QUA

(Kèm theo Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 20/01/2022 của HĐND tỉnh)

TT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nghị quyết HĐND tỉnh đã thông qua	DT đã thông qua		Diện tích thu hồi, chuyển mục đích đất (m ²)						Loại đất sau chuyển mục đích	Nguồn vốn thực hiện	
				Diện tích thu hồi đất (m ²)	Diện tích CMD theo Đ58 (m ²)	Đất trồng lúa		Đất rừng phòng hộ (chưa có rừng)	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐĐ)	Số ký hiệu văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn			
						Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ							
1	2	3	4	5	6	7=8+13	8=9+...+1 2	9	10	12	13	14	17	18
	Huyện Mai Sơn, Mường La													
1	Thủy điện Nậm Pán 5	Xã Mường Bú, huyện Mường La	109/NQ-HĐND và 110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	351.900	10.000	351.900	10.000	10.000			341.900	DNL	số 01/QĐ-HĐQT ngày 03/11/2021 của Tổng Cty CP năng lượng dầu khí toàn cầu	Vốn công ty và cổ đông 30%; vay tín dụng 70%
		xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn		177.000	75.235	177.000	75.235		10.000	65.235	101.765	DNL		
	Thành phố Sơn La													
2	Đường Điện lực - Lò Văn Giá	Q. Thăng - Chiềng Cối, TPSL	số 110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	46.500		46.500	0				46.500	DGT	68/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của TPSL	NS thành phố
	Huyện Mường La													
3	Bổ trí ổn định dân cư vùng thiên lũ ống lũ quét bản Huổi Nạ, xã Hua Trai	Xã Hua Trai	Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	10.000		10.000	0				10.000	DNT	15/NQ-HĐND ngày 10/8/2021	NS tỉnh + huyện

TT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nghị quyết HĐND tỉnh đã thông qua	DT đã thông qua		Diện tích thu hồi, chuyển mục đích đất (m2)						Nguồn vốn thực hiện		
				Diện tích thu hồi đất (m2)	Diện tích CMD theo Đ58 (m2)	Diện tích thu hồi đất (m2)	Diện tích CMD theo Đ58 (m2)	Đất trồng lúa		Đất rừng phòng hộ (chưa có rừng)	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng DD)	Loại đất sau chuyển mục đích	Số ký hiệu văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn
								Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ					
4	Bổ trí ổn định dân cư vùng thiên lũ ống lũ quét bản Ít, xã Nậm Păm	Xã Nậm Păm	Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	49.600		49.600	0				49.600	DNT	3328/KH-UBND ngày 09/8/2021 của huyện	NS Trung ương
5	Bổ trí ổn định dân cư vùng thiên lũ ống lũ quét bản Huổi Cò, xã Nậm Păm	Xã Nậm Păm	Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	17.000		17.000	0				17.000	DNT	3328/KH-UBND ngày 09/8/2021 của huyện	NS Trung ương
6	Bổ trí ổn định dân cư vùng thiên lũ ống lũ quét bản Nong, xã Chiềng San	Xã Chiềng San	Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	49.600		49.600	0				49.600	DNT	269/NQ-HĐND ngày 29/4/2021 của HĐND tỉnh	NS tỉnh + huyện



ĐIỀU CHỈNH DIỆN TÍCH; ĐIỀU CHỈNH THỜI GIAN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THU HỒI, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐÃ ĐƯỢC HỖN ĐỒNG TÍNH THÔNG QUA

(Kèm theo Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 20/01/2022 của HĐND tỉnh)

TT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nghị quyết HĐND tỉnh đã thông qua	DT đã thông qua		Diện tích thu hồi, chuyển mục đích đất (m2)											Loại đất sau chuyển mục đích	Diện tích chênh lệch (m2)		Nguồn vốn thực hiện		
				Diện tích thu hồi đất (m2)	Diện tích CMD theo Đ58 (m2)	Diện tích thu hồi đất (m2)	Diện tích CMD theo Đ58 (m2)	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ	Đất rừng phòng hộ (chưa có rừng)	Đất rừng đặc dụng		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐĐ)	Thu hồi		CMD	Số ký hiệu văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Số tiền (Triệu đồng)	
								Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất trồng lúa nương			Đất có rừng	Đất có rừng								Đất chưa có rừng
1	Trụ sở các cơ quan Chính trị - Hành chính huyện Mai Sơn	Thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn	số 110/NQ-UBND ngày 07/12/2018 của tỉnh	50.000		55.000	0										5.000	0	Số 2496/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của UBND huyện	ngân sách huyện	185.590	
2	Khu đô thị đầu tuyến tránh Quốc lộ 6	Bản Sảng, phường Chiềng Sinh, TPLS	số 109/NQ-HĐND và 110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	672.000	52.000	452.969	36.116	36.116									416.853	-219.031	-15.884	Số 2779/QĐ-UBND ngày 13/11/2021 của UBND tỉnh	Vốn nhà đầu tư	972.698
3	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Chiềng Khoa	Xã Chiềng Khoa, huyện Vân Hồ	Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	2.000		9.700	0										9.700			Số 2398/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của UBND tỉnh ; số 1082/QĐ-UBND ngày 24/10/2016 của UBND huyện	Vốn ngân sách huyện	9.398